

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LƯƠNG TÀI  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 29/10/2018

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông: Chu Quang Hậu

Bà: Nguyễn Thị Hằng

*- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Toà án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lương Tài xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX - ST, ngày 06/9/2018 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Vũ Minh Phương, sinh năm 1987

Địa chỉ : Thôn X, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa)

**\* Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Minh P và anh Nguyễn Văn B thống nhất trình bày: Anh chị kết hôn vào ngày 07/12/2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới anh

chị về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị P trình bày: Sau khi kết hôn thì anh chị làm ăn và sinh sống tại Lâm Đồng nhưng anh là người gia trưởng, lười lao động, hay tụ tập bạn bè uống rượu mà không chịu tu chí làm ăn. Chị khuyên nhủ, động viên thì anh B lại tự ái và bỏ về Bắc Ninh ở từ tháng 12 năm 2017. Chị gọi điện khuyên anh vào Lâm Đồng để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau làm ăn nhưng anh B không nghe. Đầu tháng 4 năm 2018 chị từ Lâm Đồng ra nhà anh B để hai vợ chồng trực tiếp nói chuyện tìm hướng đoàn tụ nhưng chị và anh B cũng không tìm được tiếng nói chung, anh B và chị có to tiếng cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau, anh B vứt bỏ hết quần áo, đồ đạc của chị ra ngoài sân và đuổi chị ra khỏi nhà khiến chị phải ra ngoài thuê nhà trọ ở. Sau đó anh B cũng không gọi điện thoại xin lỗi chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh B không thể hàn gắn nên chị tha thiết xin được ly hôn anh B.

Theo anh B trình bày: Trong thời gian anh về Bắc Ninh ở thì anh và chị P vẫn liên lạc B thường. Đến đầu tháng 4 năm 2018 thì chị P có về nhà anh và vợ chồng xảy ra cãi cọ nên chị P đã tự ý bỏ đi thuê nhà trọ ở, anh có gọi nhưng chị P không về. Nay chị P làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị P chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Chị P và anh B trình bày: Vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị P và anh B đều trình bày: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài phát biểu quan điểm cho rằng: Việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn quy định của pháp luật. Việc Tòa án thu thập chứng cứ và ra các văn bản tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như giấy

triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX vẫn đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 147, 227, 228, 235, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Minh P : Xử cho chị Vũ Minh P được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về án phí: Chị Vũ Minh P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa.

Sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, chị Vũ Minh P trình bày: Do điều kiện ở xa và có công việc bận nên chị không thể tham gia phiên tòa được và chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh B là phù hợp với quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, qua xem xét lời trình bày của chị Phương, anh B được Chủ tọa phiên tòa công bố cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy: Chị Vũ Minh P và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào ngày 07/12/2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng có quan điểm sống trái ngược nhau và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Nay chị

P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh B. Mặc dù anh B không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng hiện tại anh chị cũng không ở cùng nhau, chị P thì sống ở Lâm Đồng còn anh B ở Bắc Ninh, anh B cũng không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ; hơn nữa khi Tòa án triệu tập anh B để hòa giải đoàn tụ thì anh vắng mặt chứng tỏ anh cũng B không có ý thức để đoàn tụ với chị Phương. Do vậy cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị P được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị P và anh B trình bày: Vợ chồng chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị P và anh B trình bày: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Minh Phương: Xử cho chị Vũ Minh P được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Chị Vũ Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001002 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Minh P và anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lương Tài;
- THADS huyện Lương Tài  
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GD TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Phong**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LƯƠNG TÀI  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 30/11/2018

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Quốc

- Bà Nguyễn Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST- DS ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hằng , sinh năm 1981(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thống, sinh năm 1979 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều TQ: Thôn Lai Đông, xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai thì nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày: Chị Nguyễn Thị Hằng kết hôn với anh Nguyễn Văn Thống vào ngày 23/7/1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới chị Hằng về chung sống cùng anh Thống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Hằng trình bày: Vợ chồng chung sống được khoảng 2 đến 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thống cờ bạc và có tính độc đoán, làm kinh tế không

bàn bạc gì với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do chán nản chị đã bỏ về nhà đẻ ở, nhưng sau đó được gia đình khuyên giải vợ chồng lại về đoàn tụ. Năm 2005 chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2008 thì về nước, sau đó đến năm 2009 chị lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 7/2017 chị về nước. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì anh Thống ở nhà thường xuyên uống rượu say, cờ bạc và mỗi khi chị điện thoại về vợ chồng lại cãi nhau, đến khi chị về nước được thời gian ngắn vợ chồng lại cãi nhau nên chị đã bỏ đi làm ăn và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để mỗi người có cuộc sống mới,

Theo anh Thống trình bày: Năm 2005 chị Hằng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến năm 2008 thì chị Hằng về nước, đến năm 2009 chị Hằng lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến tháng 7/2017 chị Hằng về nước. Trong thời gian chị Hằng đi xuất khẩu lao động anh ở nhà thỉnh thoảng có uống rượu say và cờ bạc nên mỗi khi chị Hằng điện thoại về vợ chồng lại cãi nhau. Khi chị Hằng về nước được thời gian ngắn thì vợ chồng lại cãi nhau nên chị Hằng đã bỏ đi làm ăn và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị Hằng có đơn xin ly hôn, anh xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn là do anh sai, nhưng anh muốn vợ chồng về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Hằng và anh Thống đều trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Đoàn, sinh ngày 16/10/2001 và Nguyễn Văn Quyết, sinh ngày 01/8/2004, hiện nay cả hai con chung đang ở với anh Thống. Ly hôn chị Hằng và anh Thống đều nhận nuôi cả hai con chung, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Hằng và anh Thống đều trình bày: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng, công trình phụ kép kín được xây dựng trên diện tích đất 88 m<sup>2</sup> ở thôn Lai Đông, xã Trung Chính. Năm 2017 vợ chồng có xây dựng nhà tắm và nhà ăn trên đất của bà Thành là bác ruột của anh Thống. Ngoài ra vợ chồng còn mua sắm một số đồ dùng sinh hoạt giá trị thấp nên chị không kê khai. Trong thời gian chung sống vợ chồng không cho ai vay nợ và vợ chồng cũng không nợ ai. Nay ly hôn cả chị Hằng và anh Thống đều chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án: Đại diện VKS nhân dân huyện Lương Tài đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1- Điều 51, Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hằng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thống.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Quyết, sinh ngày 01/8/2004 cho chị Hằng trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn Đoàn, sinh ngày 16/10/2001 cho anh Thống trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hằng và anh Thống có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn Thống vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Thống là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hằng kết hôn với anh Nguyễn Văn Thống vào ngày 23/7/1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Chính nên đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn,

chị Hằng về chung sống cùng anh Thống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 2 đến 3 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Thống thường xuyên cờ bạc, rượu chè, làm kinh tế không hề bàn bạc gì với chị Hằng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau. Sự việc này đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vẫn không có kết quả và vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân. Mặc dù Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Thống đến để hoà giải đoàn tụ nhưng tất cả các phiên hoà giải anh Thống đều vắng mặt. Do vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hằng anh Thống đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần xử cho chị Hằng được ly hôn anh Thống là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hằng và anh Nguyễn Văn Thống có hai con chung là Nguyễn Văn Đoàn, sinh ngày 16/10/2001 và Nguyễn Văn Quyết, sinh ngày 01/8/2004, hiện các con chung đang ở với anh Thống. Nay ly hôn chị Hằng và anh Thống đều có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc giao con chung cho chị Hằng hay anh Thống trực tiếp nuôi dưỡng thì cũng cần đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển của các cháu cũng như nguyện vọng của các cháu thì thấy cả chị Hằng và anh Thống đều không có công ăn việc làm ổn định nếu giao cho chị Hằng hoặc anh Thống nuôi dưỡng cả hai cháu thì cuộc sống của hai cháu không được đảm bảo. Do vậy chỉ cần giao cho chị Hằng anh Thống mỗi người được trực tiếp nuôi một cháu là phù hợp. Tuy nhiên các cháu đã trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu Đoàn muốn ở với anh Thống, nguyện vọng của cháu Quyết muốn ở với chị Hằng. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Văn Quyết, sinh ngày 01/8/2004 cho chị Hằng được trực tiếp nuôi dưỡng và giao Nguyễn Văn Đoàn, sinh ngày 16/10/2001 cho anh Thống được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hằng anh Thống được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị Hằng và anh Thống không yêu cầu Toà án xem xét nên HĐXX không xem xét là phù với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ tài sản và công nợ: Chị Hằng và anh Thống trình bày: Vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng công trình phụ kép kín được xây dựng trên diện tích đất 88 m<sup>2</sup> ở thôn Lai Đông, xã Trung Chính. Năm 2017 vợ chồng xây dựng thêm nhà tắm và nhà ăn trên đất của bà Thành là bác ruột của anh Thống. Nay anh Thống và chị Hằng chưa yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về ruộng đất nông nghiệp và công sức: Chị Hằng và anh Thống không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Ngô Thị Châm là nguyên đơn, nên phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 - Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 - Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hằng được ly hôn anh Nguyễn Văn Thống.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Quyết, sinh ngày 01/8/2004 cho chị Hằng nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Văn Đoàn, sinh ngày 16/10/2001 cho anh Thống nuôi dưỡng. Chị Hằng, anh Thống được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

\* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hằng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ với tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hằng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04334 ngày 12/10/2017. Xác nhận chị Hằng đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Hằng có mặt tại phiên toà biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Thống vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lương Tài;
- THADS huyện Lương Tài  
(khi án có hiệu lực PL);
- Phòng GD TAND Tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu HS, VP.

**Phạm Văn Phong**

